

Số: 115/2024/QĐPT-VKDTM

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

PHÚC THÂM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết kinh doanh thương mại
của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Bùi Anh Thắng.

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp:
Bà Phan Diệu Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2024/TLPT-VKDTM ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam*”;

Do Quyết định xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam số 17/2023/QĐST-TTMM ngày 06, 18 và 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc kinh doanh thương mại số 12582/2024/QĐPT-VKDTM ngày 06 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

- *Người được thi hành:* Công ty V, địa chỉ: B, 3011, P1120, BC, Hà Lan.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân L, ông Trần Anh Đ, ông Trần Anh T và bà Nguyễn Phương C; địa chỉ: Tầng I Tòa nhà V9, số N HQV, phường ND, quận CG, thành phố Hà Nội; (Đều có mặt tại phiên tòa).

- *Người phải thi hành:* Công ty Cổ phần D (H), địa chỉ: Số M NHT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn M – Tổng Giám đốc; (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Công D và bà Đặng Thị Hồng L; địa

chỉ liên hệ: Tòa B, căn hộ A Chung cư I, NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội; (Đều vắng mặt và có văn bản ủy quyền ngày 25/11/2024).

- *Người kháng cáo:* Công ty V.

NỘI DUNG VIỆC KINH DOANH THƯƠNG MẠI:

Theo đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết trọng tài nước ngoài, người được thi hành là Công ty V trình bày:

Công ty V (viết tắt là V) đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận và cho thi hành Phán quyết trọng tài số ICA A01/2018/03 ngày 05/9/2019 ban hành bởi Hội đồng trọng tài của Hiệp hội B (viết tắt là *Phán quyết trọng tài ICA*). Phán quyết trọng tài ICA đã tuyên buộc Công ty Cổ phần D (viết tắt là H) phải thanh toán cho V số tiền 6.025.132,98 USD bao gồm khoản tiền chưa thanh toán và lãi phát sinh.

Về thỏa thuận trọng tài: Các Hợp đồng giao kết giữa Người được thi hành và Người phải thi hành có quy định: “*Các điều khoản và điều kiện khác mà không trái với các điều khoản và điều kiện nêu trên sẽ theo các Quy chế và Quy tắc của Hiệp hội B có hiệu lực vào ngày ký hợp đồng này*”. Theo đoạn 3 Quy chế số 201 của các Quy chế và Quy tắc của Hiệp hội B được áp dụng, đối với Hợp đồng được lập theo các Quy chế và Quy tắc của Hiệp hội B hoặc chứa đựng các nội dung có hiệu lực tương tự, điều khoản trọng tài sau đây sẽ được áp dụng: “*Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng trọng tài theo Quy chế của Hiệp hội B*”. Hợp đồng bao gồm các quy chế trong đó quy định thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài của Hiệp hội.

Về việc thông báo thủ tục trọng tài: Quá trình thực hiện hợp đồng, đại diện H có dùng hòm thư điện tử nguyennhan.H@gmail.com và buiminh@H.vn để trao đổi với V về việc thanh toán số tiền 50 tấn bông là hàng hóa của Hợp đồng số 657027 và các vấn đề khác như khoản tiền chưa thanh toán. Tại các thư điện tử ngày 07/11/2013, ngày 11/11/2013, V đã nêu rõ và H cũng nhận thức được ý định tiến hành khởi kiện trọng tài tại Hiệp hội B của V nhưng H không hề phản đối về vấn đề thẩm quyền hay hiệu lực của các hợp đồng.

Ngày 17/01/2018, V nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp với H từ các Hợp đồng bằng trọng tài tại Hiệp hội B. Cùng ngày 17/01/2018 và ngày 18/01/2018, V đã yêu cầu Thư ký trọng tài của Hiệp hội B (viết tắt là *Thư ký trọng tài*) rằng tất cả các trao đổi và thư từ về vụ việc trọng tài số A01/2018/03 được gửi tới H qua địa chỉ thư điện tử buiminh@H.vn (bên cạnh địa chỉ thư điện tử nguyennhan.H@gmail.com) và cả qua bưu điện. Ngày 18/01/2018, Thư ký trọng tài đã thông báo tới người phải thi hành H qua hai địa chỉ thư điện tử nguyennhan.H@gmail.com và buiminh@H.vn về đơn yêu cầu trọng tài của V nêu trên. Ngày 23/01/2018, sau khi V thanh toán khoản phí trọng tài đặt cọc, Thư ký trọng tài đã gửi thông báo trọng tài tới H (i) qua đường bưu điện tới địa chỉ “M đường NHT, quận TX, Hà Nội 71000, Việt Nam”, (ii) qua đường fax tới số 84 4 3858 5392, và (iii) qua hai địa chỉ thư điện tử nguyennhan.H@gmail.com và buiminh@H.vn. Địa chỉ bưu điện và fax nêu trên đều đúng với thông tin đã đăng ký của H theo tài liệu Báo

cáo lịch sử đăng ký doanh nghiệp của H được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thời điểm ngày 23/6/2022. Tại thông báo, bên cạnh các vấn đề khác, Thư ký trọng tài đã yêu cầu H chỉ định Trọng tài viên trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Ngày 21/3/2018, qua bưu điện và thư điện tử, Thư ký trọng tài thông báo tới H về việc H đã không chỉ định Trọng tài viên trong thời gian cho phép; do đó, Chủ tịch Hiệp hội B đã chỉ định Trọng tài viên J thay cho H. Ngày 17/4/2018, V đệ trình Đơn khởi kiện chi tiết tới Hội đồng Trọng tài và Thư ký trọng tài. Cùng ngày, Thư ký trọng tài đã gửi tài liệu trên cho H qua hai địa chỉ thư điện tử nguyennhan.H@gmail.com và buiminh@H.vn, yêu cầu H phản hồi trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được thư này. Tuy nhiên, H không có bất kỳ phản hồi nào. Ngày 14/5/2018, Thư ký trọng tài gửi tới các bên Thông báo của Hội đồng trọng tài về việc tiếp tục tiến hành thủ tục giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở một bên do phía người phải thi hành H không có bất kỳ phản hồi nào về việc tham gia vào tố tụng trọng tài. Cụ thể, Thư ký trọng tài đã thông báo tới H qua các địa chỉ thư điện tử nguyennhan.H@gmail.com; buiminh@H.vn; gr@H.vn.

Ngày 30/5/2018, Thư ký trọng tài gửi tới các Bên yêu cầu cung cấp tài liệu của Hội đồng trọng tài. Ngày 05/6/2018, V đã phản hồi và cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài. Ngày 11/6/2018, Thư ký trọng tài đã thông báo và chuyển các tài liệu được V cung cấp cho H qua các Thư điện tử. Ngày 23/7/2018, Thư ký trọng tài gửi tới các Bên yêu cầu cung cấp thông tin của Hội đồng trọng tài. Ngày 03/8/2018, V đã phản hồi trả lời theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài. Ngày 06/8/2018, Thư ký trọng tài đã thông báo và chuyển tiếp phản hồi của V cho H qua các Thư điện tử. Theo Quy chế số 307 của các Quy chế và Quy tắc của Hiệp hội B được áp dụng, Phiên họp giải quyết vụ việc trực tiếp chỉ được tiến hành theo yêu cầu của một hoặc các bên tham gia tranh chấp. Vì không có bên nào đệ trình yêu cầu tổ chức Phiên họp giải quyết vụ việc trực tiếp tới Hội đồng trọng tài nên Hội đồng trọng tài đã xem xét và giải quyết vụ tranh chấp dựa trên cơ sở các tài liệu được đệ trình. Lần lượt vào các ngày 31/01/2019, 01/5/2019 và 03/5/2019, Thư ký trọng tài thông báo tới các bên, trong đó có thông báo cho H qua các Thư điện tử, các thông báo của Hội đồng trọng tài về thời gian ban hành phán quyết cùng các vấn đề hóa đơn hành chính khác. Ngày 09/5/2019, Hội đồng trọng tài chính thức ban hành Phán quyết. Cùng ngày, Thư ký trọng tài đã gửi Phán quyết tới các Bên qua thư điện tử, bưu điện và thông báo tới các bên rằng bất kỳ thông báo khiếu nại nào đối với Phán quyết cần được gửi tới Hiệp hội B trong hoặc trước ngày 06/6/2019 theo Quy chế của Hiệp hội B. Như vậy, Phán quyết và thông báo trên đã được Thư ký trọng tài gửi tới H (i) qua địa chỉ thư điện tử của H, và (ii) qua bưu điện tới địa chỉ trụ sở của H.

Người được thi hành cho rằng Phán quyết của Hội đồng trọng tài không nằm trong các trường hợp không được công nhận và cho thi hành theo Điều V.2 Công ước New York: *“Việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài còn có thể bị từ chối nếu như cơ quan có thẩm quyền của nước, nơi việc công nhận và thi hành đó được yêu cầu cho rằng: a) Đối tượng của vụ tranh chấp không thể giải quyết được bằng trọng tài theo luật pháp của nước đó; hoặc b) Việc công nhận và thi hành phán quyết sẽ trái với chính sách công của nước đó”*; và/hoặc khoản 2 Điều 459

Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Phán quyết của Trọng tài nước ngoài cũng không được công nhận, nếu Tòa án Việt Nam xét thấy a) Theo pháp luật Việt Nam, vụ tranh chấp không được giải quyết theo thể thức trọng tài; b) Việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”.

Tranh chấp được giải quyết bởi Phán quyết trong vụ việc này phát sinh từ quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán bông giữa hai pháp nhân; trong đó, V là một Công ty thương mại toàn cầu chuyên về các mặt hàng nông sản; H là một pháp nhân Việt Nam thực hiện hoạt động sản xuất và buôn bán các sản phẩm dệt may. Tranh chấp này không thuộc thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, vụ tranh chấp này thỏa mãn điều kiện được giải quyết bằng phương thức trọng tài theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc công nhận và cho thi hành Phán quyết hoàn toàn không trái bất kỳ nguyên tắc cơ bản, chính sách công nào của pháp luật Việt Nam. Theo quy định tại Điều 12 Hiến pháp năm 2013, Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Do vậy, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam cũng bao gồm việc nghiêm chỉnh thực hiện các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam, bao gồm Công ước New York 1958, tôn trọng và ủng hộ việc cho thi hành các phán quyết trọng tài nước ngoài.

Ngoài ra, Phán quyết cũng không thuộc bất kỳ trường hợp từ chối không công nhận nào khác theo quy định tại Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn nộp Đơn yêu cầu: Đại diện theo uỷ quyền của Người được thi hành cho rằng khoảng thời gian Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết Đơn yêu cầu thứ nhất từ ngày 18/4/2022 (ngày nộp đơn) đến ngày 26/4/2023 (ngày Người được thi hành nhận được Thông báo không thụ lý kháng cáo), không được tính vào thời hạn 03 năm để nộp đơn yêu cầu theo quy định của Điều 451 Bộ luật Tố tụng dân sự do Hội đồng xét đơn (lần 1) triệu tập không hợp lệ.

Người được thi hành cũng đề nghị xem xét không tính thời gian diễn ra đại dịch Covid-19 vào thời hạn xét đơn để đảm bảo quyền lợi của Người được thi hành.

Người phải thi hành là H trình bày:

H thừa nhận có ký các Hợp đồng mua bông của GG B.V như Phán quyết trọng tài ICA đã giải quyết. Tuy nhiên, H khẳng định không biết và cũng không ký các Phụ lục số 01 ngày 29/11/2011 của Hợp đồng số 657858 ngày 20/01/2011; Hợp đồng số 659006 ngày 19/02/2011; Hợp đồng số 659247 ngày 25/02/2011 như V trình bày. Mặt khác, các tài liệu này không có chữ ký, dấu của H. Vì vậy các Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng này không tồn tại và không có giá trị pháp lý. Tương tự như các doanh nghiệp sợi Việt Nam trong điều kiện, hoàn cảnh khách quan do chủ trương thắt chặt tín dụng của Chính phủ, các Ngân hàng Việt Nam không cho vay, từ chối mở phương thức thanh toán (L/C) vì giá bông mua vào cao hơn giá sợi thành phẩm bán ra nên H không mở được L/C đúng thời hạn cho các Hợp đồng này, chứ H không nợ tiền, nợ hàng của GG B.V.

Người phải thi hành đề nghị Toà án không công nhận và cho thi hành tại

Việt Nam Phán quyết trọng tài ICA số A01/2018/03 với các lý do sau:

- Các thông báo mà Trọng tài ICA gửi đến H không được gửi đồng thời bằng các hình thức: Email, fax, chuyển phát nhanh đến trụ sở chính mà tùy từng thời điểm, tùy loại văn bản được gửi đến một trong các hình thức nêu trên. Tuy nhiên, H là Người phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về toàn bộ việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài ICA, nên không thể thực hiện được quyền tố tụng của mình, cụ thể như sau:

+ Một số thông báo mà V cho rằng Trọng tài ICA gửi cho H được gửi đến các email: nguyennhan.H@gmail.com; buiminh@H.vn; gr@H.vn là những địa chỉ thư không được đăng chính thức trong đăng ký doanh nghiệp của H và không có trong hợp đồng mua bán giữa H và GG B.V. H cũng không sử dụng các địa chỉ thư này để giao dịch, làm việc với GG B.V. H cũng chưa từng gửi thông báo nào cho GG B.V về việc sử dụng các địa chỉ thư nêu trên trong quá trình làm việc giữa hai bên. H không biết đây là địa chỉ email của cá nhân, tổ chức nào. Mặt khác, nội dung thư trao đổi ngày 07/11/2013 trong Phụ lục 4 đính kèm Bản tự khai ngày 18/7/2022 của V gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có nội dung người sử dụng email nguyennhan.H@gmail.com thuộc Phòng Xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, H không có Phòng Xuất nhập khẩu trong cơ cấu tổ chức của Công ty. Điều này thể hiện rất rõ tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên D được phê chuẩn tại Quyết định số 134/2005/QĐ-UB ngày 31/8/2005 của UBND thành phố HN.

+ V cho rằng Thông báo Trọng tài ICA gửi đến số fax H ngày 23/01/2018: +84 4 38585392 đều khiến H không được thông báo kịp thời và hợp thức bởi H không sử dụng số fax này từ thời điểm tháng 01/2018 do khu đất tại M NHT, quận TX, thành phố Hà Nội bị thu hồi từ ngày 11/6/2014 theo Quyết định số 3123/QĐ-UBND của UBND thành phố HN giao cho Công ty Cổ phần HB1 làm dự án nhà ở. Ngày 12/3/2015, UBND thành phố HN thanh lý Hợp đồng thuê đất tại M NHT, quận TX, thành phố Hà Nội tại Văn bản Thanh lý Hợp đồng thuê đất số 128 TL/HĐTD.

+ Thông báo (ngày 23/01/2018, ngày 21/3/2018, ngày 09/5/2018) mà V cho rằng Trọng tài ICA gửi cho H đến địa chỉ M NHT, quận TX, thành phố Hà Nội và Tầng C, Tòa nhà Văn phòng I, số M NHT, quận TX, thành phố Hà Nội thì H cũng không nhận được vì trong Sổ công văn đến của H không có thư từ, tài liệu nào từ GA B.V hay Trọng tài ICA (Có Hồ sơ thừa phát lại đính kèm). Do bị thu hồi đất, di dời trụ sở nên từ ngày 20/4/2015, địa chỉ làm việc kết hợp với liên lạc nhận thông báo thuê cùng các tài liệu liên quan của H được chuyển đến Tầng K, Tòa nhà CB, số P NHT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội. H đã đăng ký địa chỉ trên tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và đã được chấp thuận, cập nhật thông tin địa chỉ trên hệ thống (Thông báo số 171/TB-D19/5 ngày 20/4/2015 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên D gửi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và Thông báo số 2288/TB-ĐKKD-3 ngày 25/5/2015 của Phòng Đăng ký kinh doanh số 3 đính kèm).

Do đó, người đại diện theo pháp luật của H là Người phải thi hành không

được thông báo kịp thời và hợp thức việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp, về thời gian chống án tại Trọng tài nước ngoài ICA theo trình tự quy định của ICA năm 2010, năm 2011. Như vậy là không phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài nước ngoài hoặc vì nguyên nhân chính đáng khác mà không thể thực hiện được quyền tố tụng của mình”* và Điều 5 Công ước New York ngày 10/6/1958 về công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài quy định: *“Việc công nhận và thi hành quyết định có thể bị từ chối, theo yêu cầu của Bên phải thi hành, chỉ khi nào bên đó chuyển tới cơ quan có thẩm quyền nơi việc công nhận và thi hành được yêu cầu, bằng chứng rằng: Nếu Bên phải thi hành quyết định không được thông báo thích đáng về việc chỉ định trọng tài viên hay về tố tụng trọng tài hoặc do một nguyên nhân gì khác không thể trình bày vụ việc của mình”*.

- Phán quyết của Trọng tài ICA được tuyên về một vụ tranh chấp không được các bên yêu cầu giải quyết và vụ tranh chấp không được giải quyết theo thủ tục trọng tài:

+ Trong tất cả các Hợp đồng mua bông giữa H và GG B.V đều có điều khoản quy định: *“Các điều kiện khác: Tất cả các điều khoản và điều kiện khác không mâu thuẫn với những điều khoản trên theo luật và điều khoản của Hiệp hội B, có hiệu lực vào ngày ký hợp đồng này”*. Theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Quy chế 300 Hiệp hội B: *“5. Nếu các bên đồng ý thực hiện trọng tài theo các quy định này, thì theo đoạn (6) dưới đây, họ không được sử dụng bất kỳ Tòa án nào nữa, trừ khi họ không có khả năng thực hiện những điều được yêu cầu, hoặc Luật cho phép, trong các trường hợp đó, họ phải đệ đơn lên các Tòa án của Anh hoặc xứ Wales; 6. Một bên có thể đệ đơn lên một Tòa án ở bất kỳ đâu để nhờ sự bảo đảm sự an toàn cho khiếu nại của họ trong khi vụ trọng tài hoặc chống án đang được thực hiện”*.

+ Tại khoản 2 Quy chế 300 Hiệp hội B quy định: *“Trong tố tụng Trọng tài, khi gửi yêu cầu cho Hiệp hội giải quyết bằng Trọng tài, Nguyên đơn bắt buộc phải cung cấp Bản sao điều khoản Trọng tài bằng văn bản cùng với bản sao tài liệu Hợp đồng trong đó bao gồm điều khoản trọng tài hoặc theo đó phát sinh thủ tục tố tụng trọng tài”*. Theo luật và điều khoản của Hiệp hội B thì việc giải quyết tranh chấp có thể thông qua Tòa án hoặc Trọng tài do các bên thỏa thuận lựa chọn. Tuy nhiên, trong tất cả các Hợp đồng mua bán bông được ký giữa H và GG B.V chỉ quy định chung là áp dụng luật và điều khoản của Hiệp hội B mà không có điều khoản về trọng tài. Các bên không thỏa thuận khi có tranh chấp thì giải quyết bằng Trọng tài của Hiệp hội B.

Với những lý do trên, Phán quyết trọng tài không phù hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự về trường hợp không công nhận Phán quyết của Trọng tài nước ngoài khi: *“Phán quyết của Trọng tài nước ngoài được tuyên về một vụ tranh chấp không được các bên yêu cầu giải quyết”*; điểm a khoản 2 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về: *“Phán quyết của Trọng tài nước*

ngoài cũng không được công nhận, nếu Tòa án Việt Nam xét thấy: a) Theo pháp luật Việt Nam, vụ tranh chấp không được giải quyết theo thể thức trọng tài”; Điều 2 Công ước New York 1958 quy định: “Mỗi Quốc gia thành viên sẽ công nhận một thỏa thuận bằng văn bản theo đó các bên cam kết đưa ra trọng tài xét xử mọi tranh chấp đã hoặc có thể phát sinh giữa các bên từ một quan hệ pháp lý xác định, dù là quan hệ Hợp đồng hay không, liên quan đến một đối tượng có khả năng giải quyết được bằng trọng tài. Thuật ngữ “thỏa thuận bằng văn bản” bao gồm điều khoản trọng tài trong một Hợp đồng hoặc một thỏa thuận trọng tài được các bên ký kết hoặc được ghi trong thư tín trao đổi”; khoản b Điều 4 Công ước New York 1958 quy định: “Để đạt được việc công nhận và thi hành một quyết định trọng tài như nói ở điều trên, bên yêu cầu công nhận và thi hành, khi nộp đơn yêu cầu phải cung cấp: b. Thỏa thuận gốc theo Điều 2 hoặc bản sao thỏa thuận đó được chứng nhận hợp lệ”; Điều 5 Công ước New York 1958 quy định: “Việc công nhận và thi hành quyết định có thể bị từ chối, theo yêu cầu của Bên phải thi hành, chỉ khi nào bên đó chuyển tới cơ quan có thẩm quyền nơi việc công nhận và thi hành được yêu cầu, bằng chứng rằng: Đối tượng của vụ tranh chấp không thể giải quyết được bằng Trọng tài theo luật pháp của nước đó”.

Người phải thi hành cũng đề nghị Hội đồng không thụ lý xem xét Đơn yêu cầu với lý do việc nộp đơn yêu cầu lần 2 là đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 451 Bộ luật Tố tụng dân sự và không tính thời hạn diễn ra đại dịch Covid-19 vào thời hạn xét đơn.

Tại Quyết định xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam số 17/2023/QĐST-TTMM ngày 06, 18 và 25/12/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng: Điều 2, Điều 4 và Điều 5 Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; Điều 31, Điều 37, Điều 38, Điều 96, Điều 184, Điều 218, Điều 361, Điều 364, Điều 423, Điều 424, Điều 425, Điều 426, Điều 452, Điều 453, Điều 458, Điều 455, Điều 459 và Điều 461 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 150, Điều 151, Điều 153 và Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết trọng tài số A01/2018/03 của Trọng tài Hiệp hội B giữa GA B.V (nay là V B.V, địa chỉ: B, 3011, P1120, BC, Hà Lan) và Công ty Cổ phần D theo Đơn yêu cầu nộp lại lần 2 ngày 26/4/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lệ phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2024, Người được thi hành là V kháng cáo quyết định số 17/2023/QĐST-TTMM ngày 06, 18 và 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Quyết định sơ thẩm.

Tại phiên họp phúc thẩm:

Người được thi hành giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại các văn bản đã nộp cho Tòa án và đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài số A01/2018/03 ngày 09/5/2019 của Trọng tài Hiệp hội B.

Người phải thi hành giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại các văn bản đã nộp cho Tòa án và đề nghị không công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài số A01/2018/03 ngày 09/5/2019 của Trọng tài Hiệp hội B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp nhận định: Quy chế 302 quy định khi gửi yêu cầu, nguyên đơn phải gửi tài liệu kèm theo thỏa thuận trọng tài. H là một trong các bên thực hiện 08 Hợp đồng mua bán bông với V không có thỏa thuận nào về trọng tài. Các bên không cung cấp được tài liệu về thỏa thuận trọng tài nào khác. Việc đưa ra giải quyết tranh chấp khi chưa có thỏa thuận trọng tài là vi phạm quy định pháp luật.

Thủ tục trọng tài: Theo Quy chế 316 của Hiệp hội B yêu cầu rằng các thông báo, phán quyết trọng tài hoặc tài liệu phải được gửi đến trụ sở kinh doanh chính của bên nhận và phải có bằng chứng hợp lệ về việc đã được thông báo hoặc đã được giao nhận. Như vậy, việc tổng đạt hợp lệ không chỉ gửi thông báo qua các phương thức như email, fax hay bưu điện mà cần có chứng cứ rõ ràng để chứng minh bên nhận đã nhận được thông báo đó.

Đại diện V cho rằng Hội đồng trọng tài tổng đạt hợp lệ vì đã gửi Phán quyết trọng tài đến H qua nhiều phương thức như địa chỉ mail: nguyennhan.H@gmail.com, buiminh@H.vn, gr@H.vn; số fax đã được đăng ký doanh nghiệp: +84 4 3858 5392 và bưu chính quốc tế đến địa chỉ số M đường NHT, quận TX, thành phố Hà Nội, nhưng không chứng minh được H đã nhận được thông báo. H cho rằng không nhận được văn bản tố tụng trọng tài vì đã thay đổi địa chỉ và số fax, không có địa chỉ email nào như V đã gửi nên không thực hiện được. Vì vậy, theo pháp luật và quy chế Hiệp hội B, việc tổng đạt không hợp lệ. Hội đồng trọng tài Hiệp hội B đã vi phạm quy tắc trọng tài quốc tế, không phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Quyết định sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc kinh doanh thương mại được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo Bản Trích lục từ Sổ đăng ký kinh doanh của Phòng Thương mại HL do V xuất trình thì V có địa chỉ liên lạc tại B, 3011, người đại diện theo pháp luật là M1, PM và M2, DW - chức danh: Giám đốc; Loại hình kinh doanh của V là BV (dịch tiếng Hà Lan là Công ty TNHH) và tên thương mại gồm: V B.V, GG, VA, GA. Do vậy GG, VA, GA B.V và V B.V đều là một doanh nghiệp. Do đó, V có quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 452 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Do Người phải thi hành là H có trụ sở chính tại Hà Nội, Việt Nam, vì

vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết việc kinh doanh thương mại yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết kinh doanh, thương mại của Trọng tài nước ngoài là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm e khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm không xét xử lại vụ tranh chấp đã được Trọng tài nước ngoài giải quyết mà chỉ xem xét đến các điều kiện để công nhận hoặc không công nhận việc cho thi hành tại Việt Nam đối với phán quyết của Trọng tài ICA là đúng quy định tại khoản 4 Điều 458 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Người được thi hành là V cho rằng khoảng thời gian từ ngày 18/4/2022 (ngày nộp đơn lần 1) đến ngày 26/4/2023 không được tính vào thời hạn xét đơn yêu cầu do Hội đồng xét đơn lần 1 triệu tập không hợp lệ là không có căn cứ được chấp nhận bởi Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật và không thuộc trường hợp được kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 461 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét đơn lần 2 không có thẩm quyền xem xét lại việc triệu tập của phiên xét đơn lần 1 là hợp lệ hay không hợp lệ vì sẽ dẫn tới việc xem xét lại hiệu lực của quyết định tố tụng đã có hiệu lực pháp luật, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc V yêu cầu không tính thời hạn này vào thời hạn xét đơn yêu cầu là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 451 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị của Người được thi hành về việc không tính thời gian diễn ra đại dịch Covid-19 vào thời hạn xét đơn yêu cầu: Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 xảy ra và lây lan nhanh chóng, mạnh mẽ trên thế giới, số lượng người mắc và tử vong vì dịch bệnh Covid-19 tăng nhanh và khó kiểm soát. Tại Việt Nam, ngày 23/01/2020 ghi nhận trường hợp đầu tiên mắc Covid-19, kinh tế, xã hội bị tác động nghiêm trọng bởi đại dịch, do đó, các hoạt động kiểm soát đã diễn ra, trong đó có hạn chế tự do di chuyển, thắt chặt biên giới, thu hồi giấy phép hàng không và hạn chế thị thực. Ngày 23/01/2020, Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 121/CD-TTg nhằm chủ động kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh lây lan vào Việt Nam. Tại Chỉ thị số 05/CT-TTG ngày 28/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ y tế có kịch bản ứng phó với từng tình huống dịch trước ngày 30/01/2020, yêu cầu các cơ quan, ban ngành của Việt Nam chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nhằm bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho nhân dân, hạn chế thấp nhất tử vong do dịch bệnh gây ra. Ngày 31/01/2020, WHO chính thức tuyên bố dịch bệnh Covid-19 là tình trạng y tế khẩn cấp toàn cầu. Khoảng thời gian từ ngày 22/7/2021 đến ngày 22/9/2021 toàn bộ thành phố Hà Nội bị phong tỏa, thực hiện cách ly toàn xã hội. Các cơ quan, công sở, doanh nghiệp đều phải đóng cửa, không hoạt động, người dân không được ra khỏi nhà khi không được sự cho phép của người có thẩm quyền, thủ tục xuất nhập cảnh bị hạn chế. Vì vậy, có sự cản trở nhất định đến việc thực hiện các quyền của các chủ thể trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam liên quan đến hoạt động tố tụng. Do đó, Người được thi hành yêu cầu không tính thời gian diễn ra đại dịch Covid-19 (xấp xỉ 18 tháng) vào tổng thời gian của thời hạn 03 năm là phù hợp quy định của khoản 1 Điều 156 Bộ

luật Dân sự năm 2015, có cơ sở được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Đơn đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam nộp lần 2 của Người được thi hành còn trong thời hạn là phù hợp quy định tại Điều 451 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Về tính hợp pháp của các tài liệu, chứng cứ:

Kèm theo Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, V đã nộp cho Tòa án Phán quyết trọng tài, các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng, Quy tắc và Quy chế của Hiệp hội B,... đều đã được dịch sang Tiếng Việt, có công chứng, hợp thức hoá lãnh sự, đáp ứng quy định của Điều 4 Công ước New York 1958 và Điều 453 Bộ luật Tố tụng dân sự. H không có ý kiến phản đối cũng như cung cấp tài liệu nào khác để cho thấy Bản Quy tắc và Quy chế này không phải là tài liệu hợp pháp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Bản Quy chế và Quy tắc này để xét Đơn yêu cầu của V là phù hợp quy định pháp luật. Ngoài ra, đối với các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh luận điểm của mình, cả V và H đều cung cấp các tài liệu là tiếng nước ngoài đã được công chứng, dịch thuật nên đều hợp pháp.

[1.6] Sau khi Người được thi hành nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam lần 1 và bị đình chỉ do Người được thi hành triệu tập hợp lệ lần 2 mà vẫn vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiếp tục thụ lý Đơn yêu cầu do Người được thi hành nộp lại lần 2 là phù hợp quy định tại Điều 218, Điều 363, Điều 364, Điều 365 và Điều 455 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của Người phải thi hành đề nghị Tòa án không thụ lý, đình chỉ và trả lại đơn cùng hồ sơ yêu cầu do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 457 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Phán quyết trọng tài số ICA A01/2018/03 ngày 05/9/2019 ban hành bởi Hội đồng trọng tài của Hiệp hội B:

Phán quyết trọng tài số ICA A01/2018/03 ngày 05/9/2019 của Hội đồng trọng tài của Hiệp hội B được ban hành tại LP, Vương quốc Anh - thành viên của Công ước New York 1958. Vì vậy, căn cứ Điều 1 Công ước New York 1958 và điểm a khoản 1 Điều 424 Bộ luật Tố tụng dân sự, Phán quyết trọng tài ICA là đối tượng được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

Phán quyết trọng tài ICA đã được xác thực chữ ký và đóng dấu bởi Trung tâm trọng tài Hiệp hội B theo Quy tắc số 308 Bản Quy chế và Quy tắc ICA, không bị Người phải thi hành kháng cáo trong thời hạn 28 ngày theo quy định của mục 1 Quy tắc số 313 Bản Quy chế và Quy tắc ICA, nên đã có hiệu lực theo quy định của Bản Quy chế này và Luật trọng tài 1996 của Anh. Như vậy, Phán quyết trọng tài ICA được xác định là phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp, chấm dứt tố tụng trọng tài và có hiệu lực thi hành, đáp ứng điều kiện để được Tòa án xem xét công nhận tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 424 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét tính hợp pháp về tổ tụng trọng tài trước khi ban hành Phán quyết trọng tài, Hội đồng phúc thẩm thấy:

[2.2.1] Đối với phản đối của Người phải thi hành (H) về việc các bên không có thỏa thuận trọng tài, thuộc trường hợp không công nhận phán quyết trọng tài theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tổ tụng dân sự:

Các Hợp đồng đã được ký kết bởi đại diện theo pháp luật của các bên. Trong các Hợp đồng đã giao kết bởi người đại diện hợp pháp của các bên có quy định: *“Các điều khoản và điều kiện khác mà không trái với các điều khoản và điều kiện nêu trên sẽ theo các Quy chế và Quy tắc của Hiệp hội B có hiệu lực vào ngày ký Hợp đồng này”*. Thời điểm các bên xác lập giao dịch, Bản Quy tắc và Quy chế năm 2010 và năm 2011 của Hiệp hội B được áp dụng (viết tắt là *Bản Quy chế ICA*). Theo quy định tại Quy tắc số 201 Bản Quy chế ICA thì: *“Tranh chấp liên quan đến Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng trọng tài theo Quy chế của Hiệp hội B. Hợp đồng bao gồm các Quy chế trong đó có Quy chế thủ tục giải quyết tranh chấp của Hiệp hội...”*. Theo quy định tại mục 2 Quy tắc số 302 của Bản Quy chế ICA thì: *“Khi gửi yêu cầu, nguyên đơn cũng sẽ gửi bản sao điều khoản trọng tài bằng văn bản cùng với bản sao tài liệu hợp đồng trong đó bao gồm điều khoản trọng tài hoặc theo đó phát sinh thủ tục trọng tài”*.

Như vậy, theo quy định này của Bản Quy chế ICA mặc dù giữa các bên không có một thỏa thuận riêng bằng văn bản về việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài cũng như không có điều khoản trọng tài riêng biệt trong các Hợp đồng đã ký kết, nhưng khi các bên đã thỏa thuận chọn Quy tắc và Quy chế của Hiệp hội B mà theo quy định của Quy tắc và Quy chế của Hiệp hội B việc giải quyết tranh chấp được thực hiện bởi Trọng tài, thì mặc nhiên các bên đã chấp nhận điều khoản giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài như đã nêu ở trên với tính chất là một điều khoản định sẵn kèm theo Hợp đồng, làm phát sinh thủ tục trọng tài, phù hợp Bản Quy tắc ICA, Điều 2 Công ước New York 1958 và Thông lệ thương mại quốc tế.

Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận phản đối của H về việc không tồn tại thỏa thuận trọng tài là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.2.2] Xét phản đối của Người phải thi hành về việc không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài nước ngoài, thuộc trường hợp không công nhận phán quyết trọng tài theo quy định của Điều 5 Công ước New York 1958 và điểm c khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tổ tụng dân sự:

- Về thủ tục thông báo liên quan đến việc chỉ định trọng tài viên: Theo quy định của Quy tắc số 303 Bản Quy chế và Quy tắc ICA thì: *“Nếu bị đơn không chỉ định được trọng tài viên trong thời hạn 14 ngày, Hiệp hội sẽ chỉ định trọng tài viên và thông báo tên của trọng tài viên đã được chỉ định cho các bên”*; Theo email của V gửi Hiệp hội B ngày 18/01/2018 thể hiện: *“Chúng tôi xin yêu cầu Hiệp hội tất cả các thư từ trao đổi liên quan đến việc phân xử trọng tài vụ A01/2018/03 giữa nguyên đơn và bị đơn được gửi cùng đến địa chỉ thư điện tử buiminh@H.vn và cũng như được gửi theo từng thư tín bảo đảm”*.

Theo quy định tại mục 3 Quy tắc số 302 Bản Quy chế và Quy tắc ICA thì: *“Khi gửi yêu cầu, nguyên đơn cũng sẽ gửi tên, địa chỉ, bao gồm thư điện tử, số điện thoại và số fax của nguyên đơn”*. Theo quy định của mục 1 Quy tắc số 316 Bản Quy chế và Quy tắc ICA thì: *“Mọi thông báo, tài liệu và các hình thức thông tin liên lạc khác phải được gửi bằng cách gửi đến địa chỉ trụ sở kinh doanh chính hoặc văn phòng đăng ký được thông báo gần nhất của một bên và gửi bằng đường bưu điện, bưu phí trả trước hoặc các dịch vụ chuyển phát nhanh uy tín quốc tế khác”*. Mục 3 Quy tắc số 316 Bản Quy chế và Quy tắc ICA có quy định: *“Các thông báo, tài liệu và các hình thức thông tin liên lạc khác cũng có thể được gửi bằng fax, telex hoặc thư điện tử...”*.

Như vậy, theo 02 điều khoản này của Bản Quy tắc và Quy chế ICA thì việc gửi các thông báo qua thư điện tử không thay thế cho việc gửi bằng thư tín. Mặt khác, tài liệu mà Người được thi hành cung cấp cho thấy Hiệp hội trọng tài cũng không gửi thông báo chỉ định trọng tài viên thay cho H theo đúng địa chỉ thư điện tử mà V yêu cầu tại email ngày 18/01/2018 là buiminh@H.vn mà lại gửi vào thư điện tử nguyennhan.H@gmail.com. Các tài liệu Người được thi hành cung cấp cho thấy giữa H và V đã dùng liên lạc với nhau qua các thư điện tử buiminh@H.vn; nguyennhan@H.vn; gr@H.vn liên tục trong suốt thời gian từ cuối năm 2013 đến khi V khởi kiện ra trọng tài (năm 2018), nên việc nguyên đơn yêu cầu Hiệp hội phải gửi tất cả thư từ trao đổi qua cả phương thức thư điện tử và thư tín cho bị đơn là hợp lý và Hiệp hội cần có trách nhiệm gửi các tài liệu này bằng cả hai phương thức đúng theo địa chỉ và phương thức mà nguyên đơn cung cấp, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự như chính tinh thần của các quy định tại Quy tắc số 302, Quy tắc 316 và tuyên bố của Bản Quy chế và Quy tắc ICA tại Quy tắc số 301: *“Các bên sẽ được đối xử công bằng và mỗi bên có quyền trình bày và có cơ hội như nhau để trình bày quan điểm của mình”*. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc Hiệp hội trọng tài gửi thông báo về chỉ định trọng tài viên thông qua thư điện tử không đúng địa chỉ thư điện tử V cung cấp và không thực hiện bằng hình thức thư tín theo yêu cầu của Người được thi hành là không phù hợp về tính hợp thức của việc gửi thông báo theo các Quy tắc 302, Quy tắc 316 Bản Quy chế và Quy tắc ICA và yêu cầu của chính Người được thi hành là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

- Về thông báo các thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại trọng tài: Tại Bản nêu ý kiến đề ngày 14/12/2023 của đại diện V cũng như xác nhận của đại diện V tại phiên họp xét đơn thừa nhận không phải tất cả thông báo đều được gửi cho H bằng cả phương thức thư điện tử và thư tín theo như yêu cầu của V tại email ngày 18/01/2018, là cũng không phù hợp về tính hợp thức của việc gửi thông báo theo các Quy tắc 302, Quy tắc 316 Bản Quy chế và Quy tắc ICA và yêu cầu của Người được thi hành.

Mặt khác, tại Thông báo số 172/TB-D19/5 ngày 26/5/2015 của H gửi Công ty Trách nhiệm hữu hạn BDV (là Công ty môi giới giữa V và H) thể hiện: do UBND thành phố HN thu hồi đất tại số M NHT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội theo Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của UBND thành phố HN nên H phải chuyển trụ sở làm việc sang Tầng K, Tòa nhà CB, số P

NHT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội từ năm 2015, do đó việc thông báo cho H bằng phương thức thư tín của Hiệp hội B đến địa chỉ: “M đường NHT, Quận TX, Hà Nội 71000, Việt Nam” là địa chỉ cũ của H theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 12/9/2005, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 25/12/2013 nên không hợp lệ, H không biết và không thể biết về thủ tục tố tụng trọng tài của Hiệp hội B thông báo bằng phương thức thư tín.

Cũng tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 25/12/2013 thể hiện, email chính thức của H là hatex_co@hn.vnn.vn, fax là (84 4) 3858 5392. Như vậy, với việc H buộc phải thay đổi trụ sở thì số điện thoại cũng như số fax của H bị thay đổi, thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 13/10/2017, H không còn sử dụng fax và thay đổi số điện thoại sang (84 24) 6253 4827. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định H không nhận được thông báo của Hiệp hội bông qua hình thức fax.

Đối với phương thức thông báo của Hiệp hội B bằng hình thức thư điện tử, các địa chỉ thư điện tử được thông báo là buiminh@H.vn; nguyennhan@H.vn; gr@H.vn. Trên thực tế, theo trình bày của H thì H và V không trực tiếp thực hiện hợp đồng mua bông với nhau, mà thực hiện qua một bên đại lý trung gian là Công ty Trách nhiệm hữu hạn BDV, mọi thông tin các bên trao đổi đều thông qua đơn vị trung gian. Hội đồng phúc thẩm thấy các email buiminh@H.vn, nguyennhan@H.vn chưa từng là email chính thức của H căn cứ vào các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của H qua các thời kỳ. Đối với email gr@H.vn, theo H trình bày, mặc dù là email được đăng ký chính thức nhưng đây là email mà H không quản lý, không lập ra mà do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố HN lập ra với mục đích để quản lý và hợp thức hóa việc thay đổi đăng ký doanh nghiệp. Hội đồng phúc thẩm thấy, H không có nghĩa vụ phải chứng minh đang quản lý và sử dụng email gr@H.vn, phía V cũng không chứng minh được H nhận được thông báo của Hiệp hội B thông qua email gr@H.vn cũng như H chưa từng sử dụng email gr@H.vn để trao đổi thông tin với V hay phản hồi lại thông báo của Hiệp hội B. Thậm chí, tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 15/8/2018 thì H không sử dụng email, fax và không còn website chính thức nữa. Do đó, có thể thấy phương thức thư điện tử được Hiệp hội B thực hiện không hợp lệ do thực hiện thông báo không đúng địa chỉ thư điện tử V cung cấp và H không nhận được thông báo nào của Hiệp hội B thông qua hình thức thư điện tử.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của H cũng khẳng định Công ty H không có ai tên là Nguyen Thanh Nhan; H cũng không làm việc trực tiếp với đối tác V mà làm việc thông qua đơn vị trung gian là Công ty BDV, mọi việc thỏa thuận, thương thảo, ký kết Hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật của H làm việc trực tiếp với đại diện của Công ty BDV; H chưa từng sử dụng các email nêu trên cũng như sử dụng email để trao đổi, thỏa thuận với V hay các đối tác khác; địa chỉ của H cũng đã thay đổi theo Quyết định của UBND thành phố HN kéo theo đó là số fax của H cũng đã bị thay đổi. H không biết và hoàn toàn không thể biết về tố tụng thủ tục tố tụng trọng tài nên không được tham gia để bảo vệ quyền lợi của mình. Trình bày của đại diện H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với diễn biến khách quan của sự việc như đã nêu ở trên.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định ý kiến phản đối của H về việc không được thông báo chỉ định trọng tài viên và thủ tục giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài một cách hợp thức, thuộc trường hợp quy định điểm c khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không công nhận và không cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết trọng tài số A01/2018/03 của Trọng tài Hiệp hội B giữa GA B.V (nay là V B.V) và H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của V, căn giữ nguyên Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên họp.

[4] Về lệ phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên V B.V phải chịu lệ phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 462 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 37; khoản 5 Điều 38 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty V; Giữ nguyên Quyết định xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam số 17/2023/QĐST-TTTM ngày 06, 18 và 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về lệ phí: Công ty V phải chịu 300.000 đồng lệ phí phúc thẩm giải quyết yêu cầu về kinh doanh, thương mại, được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng Công ty V đã nộp theo Biên lai số 0022946 ngày 15/01/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận Công ty V đã thi hành xong lệ phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Người được thi hành, người phải thi hành (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVKDTM; P.HCTP. TANDCC tại Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC
KINH DOANH THƯƠNG MẠI
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm